

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN LÃNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12-01-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Tiến,

Ông Nguyễn Hữu Bình.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn N, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Cụm 2, tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn N trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng ngày 13 tháng 7 năm 20xx. Anh chị chung sống hoà thuận được khoảng 08 năm thì xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xô xát, bất hoà; gia đình đã nhiều lần hoà giải nhưng không thành. Từ tháng 07 năm 2021 đến nay, anh và chị L đã sống ly thân mỗi người một

nơi, không quan tâm đến nhau. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị L. Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Minh P, sinh ngày 15 tháng 8 năm 20xx và Nguyễn Minh T, sinh ngày 03 tháng 12 năm 20xx. Khi ly hôn, anh nhận nuôi cả hai con chung vì từ khi anh chị sống ly thân đến nay hai con sống chung với anh, nguyện vọng của hai con cũng muốn ở với anh; anh có chỗ ở, công việc, thu nhập ổn định; còn chị L thường đi làm ăn xa, ít về nhà nên không đủ điều kiện nuôi con bằng anh. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng cho con, tài sản chung.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho bị đơn nhưng chị L không đến Tòa án tham gia tố tụng. Vì vậy, Tòa án không có bản khai của chị L.

Tòa án đã thu thập chứng cứ đối với gia đình, chính quyền địa phương về quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị L, thể hiện: Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại cụm 2, tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện C, hòa thuận, hạnh phúc đến giữa năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, khác nhau về quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xô xát, cãi nhau; gia đình đã nhiều lần hòa giải mâu thuẫn giữa anh chị nhưng không có kết quả. Từ năm 2021 đến nay, anh chị đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay, anh N xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Minh P và Nguyễn Minh T; từ khi anh chị sống ly thân đến nay hai cháu luôn sống với anh Nam; chị L thường xuyên đi làm ăn xa không có mặt ở nhà; anh Nam có chỗ ở, công việc, thu nhập ổn định hơn chị L nên khi Tòa án giải quyết ly hôn nên giao hai cháu cho N trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại đơn đề nghị giao nộp cho Tòa án, cháu Nguyễn Minh P và Nguyễn Minh T đều có nguyện vọng muốn ở với anh Nam.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, không có mặt theo các quyết định của Tòa án, vi phạm khoản 15, khoản 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về đường lối giải quyết vụ án: Mâu thuẫn tình cảm giữa anh N và chị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm Điều 19, Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N được ly hôn chị L. Giao hai con

Nguyễn Minh P và Nguyễn Minh T cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Không xem xét, giải quyết về cấp dưỡng cho con và tài sản chung do anh N không yêu cầu. Anh N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh N, chị L có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn N khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với chị Nguyễn Thị L tại Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng. Bị đơn là chị L cư trú tại xã Q, huyện T nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nam và chị L.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Anh N và chị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng ngày 13 tháng 7 năm 20xx nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Anh N trình bày phù hợp với các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã làm rõ: Sau khi kết hôn, anh chị sống chung tại cụm 2, tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, khác nhau về quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xô xát, bất hòa. Từ năm 2021 đến nay, anh chị đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Anh N thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L.

[5] Căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả xác minh, xét thấy: Anh N và chị L đã không còn yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình; không chung sống với nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh N và chị L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt

được. Do đó, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của anh N được ly hôn chị L.

[6] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Minh P, sinh ngày 15 tháng 8 năm 20xx và Nguyễn Minh T, sinh ngày 03 tháng 12 năm 20xx. Xét thấy, việc nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chung hai bên cha mẹ đều có tình cảm, quyền và trách nhiệm như nhau. Tuy nhiên, chị L thường xuyên đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà; từ khi anh chị sống ly thân đến nay, hai con luôn sống cùng anh N và nguyện vọng của hai con cũng muốn ở với anh N. Để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm lý, sự phát triển về mọi mặt của con, nguyện vọng của con khi cha mẹ ly hôn nên căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao hai con Nguyễn Minh P và Nguyễn Minh T cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi con kể từ ngày 12 tháng 01 năm 2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Anh N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Anh N và chị L có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn N được ly hôn chị Nguyễn Thị L.
2. Về con chung: Anh N trực tiếp nuôi 02 con chung là Nguyễn Minh P, sinh ngày 15 tháng 8 năm 20xx và Nguyễn Minh T, sinh ngày 03 tháng 12 năm 20xx. Việc cấp dưỡng cho con anh N không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Thời

hạn nuôi con tính từ ngày 12 tháng 01 năm 2023 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006352 ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Anh N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh N và chị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng (ĐKKH 20xx);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng

